TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/DS-ST
Ngày: 08-12-2022
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Đào.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan Thảo;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Hoàng Q**, sinh năm 1987 (vắng mặt);
Chị **Trần Thị Ngọc G**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Y tổ X, ấp N, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phạm Hoàng Q, Trần Thị Ngọc G*: Chị **Dương Thị Kiều N**, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp N, xã B, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Đặng Phi H**, sinh năm 1975; chị **Phan Thị Anh Đ**, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: X tổ Y, ấp T, xã Trường Đ, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2022 của nguyên đơn, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa – người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Dương Thị Kiều N trình bày:

Ngày 20/12/2019 dương lịch, vợ chồng anh Q, chị G có cho vợ chồng anh H, chị Đ vay số tiền 470.000.000 đồng, nhờ trưởng ấp N là ông Dương Thành N viết

giùm giấy nợ để hai bên ký tên vào, thời hạn cho vay là 01 năm tính từ ngày 20/12/2019, thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/tháng, để làm tin vợ chồng anh H, chị Đ có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Hồng M cho anh Q, chị G. Đến hạn trả nợ, anh H, chị Đ né tránh, không có thiện chí trả nợ gốc và không đóng lãi.

Ngày 06/01/2022, sau khi anh Q, chị G khởi kiện và chọn giải quyết theo thủ tục hòa giải tại Tòa án thì anh H, chị Đ có trả bớt số nợ gốc 200.000.000 đồng vào ngày 06/02/2022 và nhận lại tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Hồng M, hẹn sẽ tiếp tục trả số tiền 270.000.000 đồng còn lại nên anh Q, chị G rút yêu cầu khởi kiện.

Đến tháng 3/2022 anh H, chị Đ không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết nên anh Q, chị G khởi kiện lại, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị Đ giao trả số tiền 270.000.000 đồng, tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay 20/12/2019 dương lịch cho đến ngày xét xử.

- Bị đơn anh Đặng Phi H và chị Phan Thị Anh Đ đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh H, chị Đ có nghĩa vụ trả cho anh Q, chị G số tiền gốc 270.000.000 đồng, tính lãi và xác định nghĩa vụ chịu án phí của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Phi H và chị Phan Thị Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, Tây Ninh xét xử vắng mặt anh H, chị Đ là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Phạm Hoàng Q, chị Trần Thị Ngọc G thấy rằng:

[2.1] Anh Q, chị G yêu cầu vợ chồng anh Đặng Phi H và chị Phan Thị Anh Đ trả số tiền vay 270.000.000 đồng, xuất trình chứng cứ là bản gốc "hợp đồng mượn tiền" đề ngày 20/12/2019, theo đó số tiền vay ghi trong hợp đồng là 470.000.000

đồng, tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Hồng Mai, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận là 01 năm từ ngày 20/12/2019 đến ngày 20/12/2020. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh H, chị Đ được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có ý kiến, tuy nhiên kết quả xác minh thể hiện khoản nợ trên là có thật, hợp đồng mượn tiền giữa các bên do trưởng ấp Dương Thành N ghi có chữ ký của anh H, chị Đ. Nay nguyên đơn xác định anh H, chị Đ đã trả bớt 200.000.000 đồng tiền gốc và nhận lại 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Hồng M nên chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay gốc 270.000.000 đồng còn lại, do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của anh Q, chị G về việc buộc anh H, chị Đ trả lãi từ ngày vay 20/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thấy rằng: Nội dung hợp đồng mượn tiền không thể hiện lãi suất cho vay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Dương Thị Kiều N cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng và bị đơn chưa đóng lãi đồng nào, bị đơn vắng mặt không có ý kiến trình bày. Tại phiên tòa, chị N đồng ý tính lãi suất theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự buộc anh H, chị Đ phải có nghĩa vụ trả tiền lãi tính như sau:

Từ 20/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/12/2022 là 35 tháng 18 ngày: Tiền lãi = (270.000.000 đồng ×10%/12 tháng×35 tháng) đồng + (270.000.000 đồng ×10%/12 tháng/30 ngày × 18 ngày) = 78.750.000 đồng + 1.350.000 đồng = 80.100.000 đồng.

Như vậy, anh H, chị Đ có nghĩa vụ trả cho anh Q, chị G tổng số tiền gốc và lãi là 270.000.000 đồng + 80.100.000 đồng = 350.100.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu, một trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Do yêu cầu của anh Q, chị G được Tòa án chấp nhận nên anh H, chị Đ phải chịu án phí: 5% × 350.100.000 đồng = 17.505.000 đồng, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh Q, chị G theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hoàng Q, chị Trần Thị Ngọc G đối với anh Đặng Phi H và chị Phan Thị Anh Đ.

Buộc anh Đặng Phi H và chị Phan Thị Anh Đ có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Hoàng Q, chị Trần Thị Ngọc G số tiền gốc và lãi tổng cộng là 350.100.000 (ba trăm năm mươi triệu một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày anh Q, chị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H, chị Đ không chịu thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng anh H, chị Đ còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

Anh Đặng Phi H và chị Phan Thị Anh Đ phải chịu 17.505.000 đồng .

Hoàn trả cho anh Phạm Hoàng Q, chị Trần Thị Ngọc G số tiền tạm ứng án phí 6.750.000 đồng theo theo biên lai thu số 0020654 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn anh Đặng Phi H và chị Phan Thị Anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA